**CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT**

**1.1 Khái niệm, đặc điểm và vai trò**

**1.1.1 Khái niệm**

Thuế TTĐB là loại thuế gián thu, đánh vào một số loại hàng hóa, dịch vụ được xem là đặc biệt theo danh mục do Nhà nước quy định.

Hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thường là những hàng hóa, dịch vụ không được khuyến khích tiêu dùng xét trên góc độ lợi ích xã hội.

**1.1.2 Đặc điểm**

- Phạm vi chi phối không rộng như thuế GTGT

- Là loại thuế gián thu có mức thuế suất cao

- Chỉ thu một lần trong quá trình từ khi hàng hóa được sản xuất cho đến khâu tiêu dùng cuối cùng và tập trung thu khi hàng hóa được cơ sở sản xuất bán ra hay dịch vụ được cung ứng

**1.1.3 Vai trò**

- Góp phần định hướng nhập khẩu, sản xuất và tiêu dùng

- Huy động nguồn thu cho ngân sách Nhà nước

- Điều tiết thu nhập của các đối tượng tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế, đặc biệt là người tiêu dùng có thu nhập cao một cách hợp lý

**CHƯƠNG II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT THUẾ TTĐB**

Luật thuế TTĐB ở Việt Nam được áp dụng từ năm 1990 trên cơ sở kế thừa thuế Hàng hóa.

**1. Đối Tượng Chịu Thuế**

**a. Hàng hóa:** **11 nhóm**

- Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm từ cây thuốc lá dùng đểhút, hít, nhai, ngửi, ngậm.

- Rượu.

- Bia.

- Ô tô dưới 24 chỗ ngồi.

- Xe Mô tô 02 bánh, môtô 03 bánh có dung tích xi lanh trên125 cm

- Tàu bay.

- Du thuyền.

- Xăng các loại, naphtha, chế phẩm tái hợp reformade vàcác chế phẩm khác để pha chế xăng.

- Máy điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở

xuống.

- Bài lá.

- Vàng mã, hàng mã.

**Ghi chú:** - Ô tô dưới 24 chỗ ngồi chịu thuế TTĐB kể cả ô tô vừa chở người vừa chở hàng hóa có từ 02 hàng ghế trở lên, có vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng hóa.

- Đối tượng chịu thuế TTĐB đối với hàng hóa là những sản phẩm hoàn chỉnh, không bao gồm bộ linh kiện để lắp ráp (trừ t/h CSSX hoặc CSNK tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì HH bán ra hoặc NK (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB như máy điều hòa nhiệt độ

hoàn chỉnh).

**b. Dịch vụ: 06 nhóm**

- Kinh doanh vũ trường.

- Kinh doanh mát-xa, karaokê.

- Kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy jackpot.

- Kinh doanh đặt cược (như bán vé cược đua ngựa, đua chó)

- Kinh doanh golf: bán thẻ hội viên, vé chơi golf.

- Kinh doanh xổ số.

1. **Đối Tượng Không Chịu Thuế**
2. **Hàng hóa XUẤT KHẨU:**

- Do cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu.

Xuất khẩu bao gồm cả bán vào khu phi thuế quan (trừ ô tô dưới 24 chỗ ngồi bán cho DNCX, KCX ).

- Trường hợp tạm xuất khẩu – tái nhập khẩu trong thời hạn quy định thì khi tái nhập không phải nộp thuế TTĐB, nhưng khi CSSX này bán hàng hóa thì phải nộp thuế TTĐB.

- Do cơ sở sản xuất ủy thác hoặc bán cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu theo hợp đồng kinh tế.

- Hàng hóa mang ra nước ngoài để bán tại hội chợ triển lãm ở nước ngoài.

1. **Hàng hóa NHẬP KHẨU:**

- HH nhận viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại

- HH là quà biếu, quà tặng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho các cơ quan NN Việt Nam hoặc cho cá nhân VN theo mức quy định của PL. - HH chuyển khẩu, quá cảnh qua biên giới Việt Nam.

- HH tạm nhập - tái xuất khẩu, nếu thực tái xuất khẩu trong thời hạn qui định thì không phải nộp thuế TTĐB tương ứng với số hàng xuất khẩu.

- HH tạm nhập khẩu để dự hội chợ, triển lãm trong thời hạn qui định.

- HH là đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao theo qui định phù hợp với điều ước quốc tế.

- HH mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của cá nhân.

- Hàng nhập khẩu để bán tại các cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế, bán cho các đối tượng được hưởng chế độ mua hàng miễn thuế.

1. **HH từ nước ngoài nhập khẩu vào khu PTQ**, hàng hóa từ nội địa bán vào khu PTQ và chỉ sử dụng trong khu PTQ; HH được mua bán giữa các khu PTQ, trừ hai loại HH sau: HH được đưa vào khu được áp dụng quy chế khu PTQ có dân cư sinh sống, không có hàng rào cứng và ô tô dưới 24 chỗ.
2. **Tàu bay, du thuyền** sử dụng cho mục đích kinh doanh vận

chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch; tàu bay sử dụng cho mục đích: phun thuốc trừ sâu, chữa cháy, quay phim, chụp ảnh, đo đạc bản đồ, an ninh, quốc phòng…

1. **Xe Ôtô cứu thương, xe Ôtô chở phạm nhân**, xe Ôtô tang lễ; xe Ôtô thiết kế vừa có chỗ ngồi vừa có chỗ đứng từ 24 người trở lên; xe Ôtô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông.
2. **Nap-ta, condensate, chế phẩm** tái hợp và các chế phẩm khác dùng làm nguyên liệu để sản xuất sản phẩm (trừ sản xuất xăng) do cơ sở sản xuất trực tiếp nhập khẩu. Nap-ta, condensate, chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác do cơ sở sản xuất ra trực tiếp bán cho cơ sở sản xuất khác để sử dụng làm nguyên liệu sản xuất sản phẩm (trừ sản xuất xăng).

**g. Điều hòa** nhiệt độ có công suất từ 90.000 BTU trở xuống, thiết kế chỉ để lắp trên phương tiện vận tải: Ô tô, toa xe lửa, tàu, thuyền, tàu bay.

1. **Người Nộp Thuế**

❖Tổ chức, cá nhân Sản xuất Hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB

❖Tổ chức, cá nhân Nhập khẩu Hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB

❖Tổ chức, cá nhân Kinh doanh DV thuộc diện chịu thuế TTĐB

- TC, CN kinh doanh xuất khẩu mua hàng hóa chịu thuế TTĐB của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước thì cơ sở kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế TTĐB khi bán hàng hóa trong nước.

1. **Phương Pháp Tính Thuế**

4.1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu khi bán ra:

Thuế TTĐB phải nộp

= Số lượng tính thuế x đơn giá tính T.TTĐB x Thuế Suất T.TTĐB

a. Số lượng tính thuế

Số lượng hàng hóa tính thuế là số lượng hàng hóa tiêu thụ trong kỳ (bao gồm bán, biếu tặng, trao đổi, quy ra lương, tiêu dùng nội bộ không phục vụ SX).

Thời điểm tính thuế là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa

thu được tiền.

Kỳ tính thuế đ/v hàng hóa SX trong nước và KD dịch vụ được tính theo tháng. Đ/v đơn vị sản xuất lớn thường là 15 ngày/1 lần và nộp chậm nhất là ngày 20

mỗi tháng.

b. Giá tính thuế

❖ Giá tính thuế TTĐB là giá bán tại nơi SX (đối với HH SX trong nước); đối với hàng hóa nhập khẩu (trừ xăng các loại) do là giá bán ra của cơ sở kinh doanh nhập khẩu, được xác định căn cứ vào giá bán chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT.

Giá tính thuế TTĐB = giá bán chưa có thuế GTGT - Thuế Bảo vệ môi trường

1 + thuế suất thuế TTĐB

❖Lưu ý:

Đối với cơ sở nhập khẩu ô tô dưới 24 chỗ, giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là giá bán của cơ sở nhập khẩu nhưng không được thấp hơn 105% giá vốn xe nhập khẩu.

Giá vốn xe nhập khẩu bao gồm: giá tính thuế nhập khẩu cộng (+) thuế nhập khẩu (nếu có) cộng (+) thuế TTĐB tại khâu nhập khẩu. Trường hợp giá bán của cơ sở nhập khẩu ô tô dưới 24 chỗ thấp hơn 105% giá vốn xe nhập khẩu thì giá tính thuế TTĐB là giá do cơ quan thuế ấn định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

❖ Lưu ý:

Đối với cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô dưới 24 chỗ, giá làm căn cứ tính thuế TTĐB là giá bán trong tháng của cùng loại sản phẩm do cơ sở sản xuất nhưng không được thấp hơn 7% so với giá bán bình quân của các cơ sở kinh doanh thương mại bán ra.

Giá bán bình quân của các cơ sở kinh doanh thương mại để so sánh là giá bán xe ô tô chưa bao gồm các lựa chọn về trang thiết bị, phụ tùng mà cơ sở kinh doanh thương mại lắp đặt thêm theo yêu cầu của khách hàng. Trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô dưới 24 chỗ thấp hơn 7% so với giá bán bình quân trong tháng của cùng loại sản phẩm do cơ sở kinh doanh thương mại bán ra thì giá tính thuế TTĐB là giá do cơ quan thuế ấn định theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Giá tính thuế hàng hóa

Ví dụ1: Cty A sx rượu < 200 có số liệu trong kỳ như sau:

- Số lượng sản xuất: 16.000 chai

- Số lượng tiêu thụ: + Bán cho DN B 9.000 chai, giá bán chưa VAT là

80.000đ/chai. Đồng thời, biếu tặng 3.000 chai.

+ Bán lẻ 2.000 chai, giá bán lẻ có VAT là 90.200đ/chai

Thuế suất thuế TTĐB là 25%, thuế suất thuế VAT là 10%.

Xác định số thuế TTĐB cty A nộp?

- Đối với hàng hoá chịu thuế TTĐB, giá tính thuế TTĐB là giá chưa có thuế GTGT, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) và chưa có thuế TTĐB và không loại

trừ giá trị vỏ bao bì.

❖ Ví dụ 3 : Đối với bia hộp, năm 2017 giá bán của 1lít bia hộp chưa có thuế GTGT là 20.000đ, thuế suất thuế TTĐB mặt hàng bia là 60% thì giá tính thuế

TTĐB được xác định như sau:

Giá tính thuế TTĐB 1 lít bia hộp = 20.000/(1+60%) = 12.500 đ

- Riêng đối với mặt hàng bia chai nếu có đặt tiền cược vỏ chai, định kỳ hàng quý cơ sở sản xuất và khách hàng thực hiện quyết toán số tiền đặt cược vỏ chai thì số tiền đặt cược tương ứng giá trị số vỏ chai không thu hồi được phải đưa vào doanh thu tính thuế TTĐB.

Ví dụ 4: Công ty bia A bán 5.000 két bia Sài Gòn (1 két bia có 20 chai), giá bán chưa VAT là 160.000đ/két (không bao gồm giá vỏ chai). Số tiền đặt cược vỏ chai bia là 1.000đ/vỏ. Số vỏ chai quyết toán không thu hồi được trong kỳ là 800 vỏ. Thuế suất thuế TTĐB bia chai là 50%.

Xác định thuế TTĐB của bia chai tiêu thụ trong kỳ?

- Đối với hàng hóa gia công thì giá tính thuế TTĐB :

Là giá bán ra chưa thuế TTĐB, chưa thuế BVMT (nếu có) và chưa thuế GTGT của cơ sở giao gia công hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương trên thị trường.

Ví dụ: Cty SX thuốc lá BT nhận gia công 5.000 cây thuốc lá cho nhà máy thuốc lá SG, đơn giá nhận gia công là 10.000đ/cây. Thuế suất thuế TTĐB thuốc lá là

65%, giá bán chưa VAT của thuốc lá thành phẩm tại nhà máy thuốc lá SG là 120.000 đ/cây. Xác định thuế TTĐB?

- Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp (trả chậm) thì giá tính thuế TTĐB :

Là bán chưa thuế TTĐB, chưa thuế BVMT (nếu có) và chưa thuế GTGT của sản phẩm trả tiền một lần, không bao gồm khoản lãi trả góp (lãi trả chậm).

Ví dụ: Cty SX ô tô Toyota VN khi bán ô tô đã đưa ra 2 phương thức bán hàng: - Nếu người mua trả chậm trong vòng 5 năm có giá bán chưa VAT là 950trđ/ ô tô. - Nếu trả ngay 1 lần thì bán với giá chưa VAT là 800trđ/ô tô.

Trong tháng, DN bán được 50 ô tô, trong đó có 10 ô tô theo PT trả chậm. Thuế suất thuế TTĐB ô tô là 50%.

Xác định giá tính thuế TTĐB của 50 ô tô?

- Đối với hàng hóa dùng để khuyến mại, trao đổi, biếu tặng, tiêu dùng nội bộ:

Giá tính thuế được xác định căn cứ vào giá tính thuế TTĐB của hàng hóa bán ra cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động trên.

- Đối với hàng hóa cơ sở kinh doanh xuất khẩu mua của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà bán trong nước thì giá tính thuế TTĐB:

Là giá bán ra chưa thuế TTĐB, chưa thuế BVMT (nếu có) và chưa thuế GTGT của cơ sở xuất khẩu hoặc giá bán của sản phẩm cùng loại hoặc tương đương trên thị trường.

Ví dụ: Cty XNK quận 3 mua của cty rượu Bình Tây 20.000 chai rượu để XK theo HĐXK đã ký kết với nước ngoài, giá mua chưa VAT là 30.000đ/chai.

Đến hạn XK, cty XNK quận 3 chỉ xuất 18.000 chai, 2.000 chai không XK được Cty XNK quận 3 bán trong nước với giá bán chưa VAT là 40.000đ/chai. Thuế

suất thuế TTĐB là 50%.

Xác định giá tính thuế TTĐB?

Lưu ý - CSSX bán hàng qua chi nhánh, cửa hàng, cơ sở trực thuộc hạch toán phụ thuộc: giá tính thuế TTĐB là giá do các chi nhánh, cửa hàng, cơ sở trực thuộc hạch toán phụ thuộc bán ra chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế BVMT

và chưa có thuế GTGT.

- CSSX bán hàng qua đại lý bán đúng giá do cơ sở qui định, hưởng hoa hồng: giá tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế BVMT và chưa có thuế GTGTdo cơ sở SX quy định chưa trừ hoa hồng cho đại lý.

Lưu ý - CSSX bán hàng qua các cơ sở kinh doanh thương mại: giá tính thuế TTĐB là giá bán chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế BVMT và chưa có thuế GTGT của cơ sở SX nhưng không được thấp hơn 7% so với giá bán bình

quân của CSKD thương mại đó bán ra.

- Trường hợp giá bán thấp hơn 7% so với giá CSKD thương mại bán ra, cơ quan thuế sẽ ấn định thuế.

4.2. Đối với dịch vụ:

Giá dịch vụ chưa thuế GTGT

Giá tính thuế TTĐB = 1+ Thuế suất thuế TTĐB

Thời điểm xác định thuế TTĐB là thời điểm hoàn thành việc cung ứng DV hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng DV, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với kinh doanh vũ trường, Mát-xa, Karaôkê giá tính thuế TTĐB là doanh thu của các hoạt động kinh doanh trong vũ trường, Mát-xa, Karaôkê (bao gồm cả doanh thu của dịch vụ ăn uống và dịch vụ khác) chưa bao gồm thuế TTĐB và thuế GTGT.

VD: Vũ trường ABC trong tháng 2 có phát sinh doanh thu

chưa có thuế GTGT như sau: - Doanh thu hoạt động khiêu vũ: 400 trđ

- Doanh thu hoạt động ăn uống: 800 trđ

- Doanh thu hoạt động phục vụ: 300 trđ

- Doanh thu hoạt động khác: 200 trđ

Hãy xác định giá tính thuế và thuế TTĐB, biết thuế suất thuế TTĐB là 40%.

- Đối với kinh doanh Casino, trò chơi điện tử có thưởng, đặt cược thì giá tính thuế TTĐB: Là doanh số còn lại chưa bao gồm thuế TTĐB và thuế GTGT sau khi đã trừ số tiền trả thưởng.

VD: Tại trường đua Phú Thọ trong ngày 1/6/20xx có tình hình sau: bán được 15.000 vé đặt cược đua ngựa với giá bán 1 vé đã có thuế TTĐB và có thuế GTGT là 10.000đ.

Trong số 15.000 vé đã bán có 100 vé trúng thưởng, mỗi vé trúng được 100.000đ. Thuế suất thuế TTĐB đua ngựa là 30%, thuế suất thuế GTGT là 10%.

Hãy tính thuế TTĐB?

- Đối với KD xổ số (xổ số được phép KD theo quy định của PL) là doanh thu bán vé chưa bao gồm VAT.

- Đối với kinh doanh golf (kể cả sân tập golf): là doanh thu chưa có thuế GTGT về bán thẻ hội viên, bán vé chơi golf, bao gồm cả tiền bán vé tập golf, tiền bảo

dưỡng sân cỏ, hoạt động cho thuê xe (buggy) và thuê người giúp việc trong khi chơi golf (caddy), tiền ký quỹ (nếu có) và các khoản thu khác do người chơi golf, hội viên trả cho CSKD sân golf.

- Các loại hàng hóa, dịch vụ đi kèm như khách sạn, ăn uống, bán hàng hóa, hoặc các trò chơi không chịu thuế TTĐB ➔ không phải tính thuế TTĐB.

**4.3. Đối với hàng hóa nhập khẩu:**

**Thuế TTĐB phải nộp =SL Nhập Khẩu \* Đơn giá thuế TTĐB \* Thuế Suất**

Ví dụ: Cty A kinh doanh xe 4 chỗ có số liệu: - NK 200 xe ô tô 4 chỗ (dt > 2.000 cm3), giá tính thuế NK là 600 trđ/xe.

- Cty A bán trong nước cho cty B 160 xe, giá bán có VAT là 1.650 trđ/xe.

- Thuế suất thuế NK là 50%, thuế suất thuế TTĐB là 50%, thuế suất thuế VAT là 10%.

- Tính thuế TTĐB cty A nộp trong kỳ và LNTT của công ty A.

1. **KHẤU TRỪ THUẾ TTĐB**

Nhập Khẩu DN B SX Bán rượu thuốc

Rượu 400 rượu thuốc

DN A SX bán DN B SX Bán rượu thuốc

Rượu 400 rượu thuốc

NK => DN NK => bán ra trong nước

1- Người nộp thuế sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu chịu thuế TTĐB thì được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp đối với nguyên liệu nhập khẩu hoặc đã trả đối với nguyên liệu mua trực tiếp từ cơ sở sản xuất trong nước khi xác định số thuế TTĐB phải nộp.

- Số thuế TTĐB được khấu trừ tương đương với số thuế TTĐB của nguyên liệu đã sử dụng để sản xuất hàng hóa bán ra.

1. Người nộp thuế TTĐB đối với hàng hóa chịu thuế TTĐB nhập khẩu (trừ xăng các loại) được khấu trừ số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế TTĐB phải nộp bán ra trong nước.

- Số thuế TTĐB được khấu trừ tương ứng với số thuế TTĐB của hàng hóa chịu thuế TTĐB nhập khẩu bán ra và chỉ được khấu trừ tối đa bằng tương ứng số thuế TTĐB tính được ở khâu bán ra trong nước. Trường hợp đặc biệt đối với số thuế TTĐB không được khấu trừ hết do nguyên nhân khách quan bất khả kháng, người nộp thuế được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế TTĐB phải nộp = Thuế TTĐB phải nộp của hàng chịu thuế TTĐB xuất kho tiêu thụ trong kì - T TTĐB đã nộp đối với HH, nguyên liệu ở khâu NK hoặc số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nguyên vật liệu mua hàng vào tương ứng với số hàng xuất kho tiêu thụ trong kì

VÍ DỤ 1

DN X sản xuất rượu thuốc có tình hình sau:

- Nhập khẩu 10.000 lít rượu 400, giá CIF 10.000 đ/L

- Xuất kho 8.000 lít rượu 400 để sản xuất 10.000 chai

rượu thuốc cùng dung tích.

- Xuất bán trong nước 9.000 chai rượu thuốc với giá bán chưa thuế GTGT 48.100 đ/chai, xuất khẩu 1.000 chai với giá FOB 50.000 đ/chai.

Yêu cầu: Tính thuế TTĐB phải nộp, biết rằng:

- Thuế suất thuế TTĐB của rượu thuốc 30%.

- Thuế suất thuế nhập khẩu rượu 65%.

- Thuế suất thuế TTĐB rượu nhập khẩu 60%.

VÍ DỤ 2

Trong kỳ kê khai thuế, cơ sở B phát sinh các nghiệp vụ sau:

+ Nhập khẩu 100 máy điều hòa nhiệt độ A công suất 12.000 BTU, đã nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu 100 triệu đồng (căn cứ biên lai nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu).

+ Xuất bán 100 máy điều hòa nhiệt độ, số thuế TTĐB phát sinh khi bán ra trong nước là 120 triệu đồng.

=> Số thuế TTĐB cơ sở B phải nộp trong kỳ là: 120 triệu đồng - 100 triệu đồng = 20 triệu đồng.

VÍ DỤ 3

❖Trong kỳ kê khai thuế, cơ sở B phát sinh các nghiệp vụ sau:

+ Nhập khẩu 100 máy điều hòa nhiệt độ X công suất 12.000 BTU, đã nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu 100 triệu đồng (căn cứ biên lai nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu).

+ Xuất bán 100 máy điều hòa nhiệt độ, vì lý do khách quan bất khả kháng, số thuế TTĐB phát sinh khi xuất bán 100 máy điều hòa nhiệt độ là 90 triệu đồng.

Cơ sở B được khấu trừ số thuế TTĐB là 90 triệu đồng.

Đối với số thuế TTĐB không được khấu trừ (10 triệu đồng), cơ sở B được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

6. MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ

- CSSX hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB gặp khó khăn do thiên tai, địch họa, tai nạn bất ngờ, bị lỗ được xét giảm thuế TTĐB.

- T/h CSSX hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB gặp khó khăn do thiên tai, địch họa, tai nạn bất ngờ bị thiệt hại nặng, không còn khả năng sản xuất kinh doanh và nộp thuế thì được xét miễn thuế TTĐB đ/v số thuế TTĐB còn phải nộp không có khả năng nộp.

7. HOÀN THUẾ

- Hoàn thuế TTĐB trong các trường hợp:

a) Hoàn thuế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b) Hoàn thuế theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

c) Hoàn thuế trong trường hợp có số tiền thuế TTĐB đã nộp lớn hơn số tiền thuế TTĐB phải nộp theo quy định.

- Hàng tạm NK nếu đã nộp thuế TTĐB thì khi tái xuất khẩu được hoàn lại số thuế TTĐB đã nộp tương ứng với số hàng đã tái xuất khẩu.

- Hàng NK đã nộp thuế TTĐB theo khai báo nhưng thực tế NK ít hơn so với số khai báo (do hư hỏng, mất, giao không đủ hàng).

- Hàng NK đã nộp thuế TTĐB nhưng không phù hợp về chất lượng, chủng loại theo hợp đồng được phép xuất khẩu trả lại cho nước ngoài (thì được hoàn lại số thuế TTĐB đã nộp tương ứng với số hàng xuất trả cho nước ngoài).

- HH là nguyên liệu NK để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu, nếu đã nộp thuế TTĐB thì khi xuất khẩu thành phẩm sẽ được hoàn thuế TTĐB tương ứng với số

nguyên liệu đã dùng để sản xuất thành phẩm thực xuất khẩu.

- Hàng NK của doanh nghiệp Việt Nam được phép NK làm đại lý giao, bán hàng cho nước ngoài.

- Sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động có số thuế nộp thừa.

- Có quyết định hoàn thuế theo điều ước quốc tế.

8. KÊ KHAI, NỘP THUẾ

\* Đối với sản xuất, kinh doanh trong nước:

-Thuế TTĐB được kê khai, nộp theo từng tháng.

- Thời gian nộp tờ khai và nộp thuế chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo.

- Đối với hàng hóa mua để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu được đem bán trong nước thì khai theo từng lần phát sinh. Thời hạn nộp tờ khai thuế theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế chậm nhất ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế.

Ví dụ KÊ KHAI THUẾ

- Kê khai theo tháng: Tháng 4/2018 Cty A lập hồ sơ khai thuế TTĐB các nghĩa vụ phát sinh trong tháng, khi đó thời hạn nộp hồ sơ khai thuế tháng 4/2018 chậm nhất là ngày 20/5/2018.

- Kê khai từng lần: Cty B mua 100.000 bao thuốc lá điều để xuất khẩu nhưng do thay đổi điều kiện trong hợp đồng xuất khẩu nên không xuất khẩu được mà bán trong nước. Ngày 15/4/2018 Cty bán 50.000 bao thuốc lá điếu.

Trong trường hợp này Cty phải làm hồ sơ khai thuế TTĐB cho 50.000 bao thuốc lá điếu đã tiêu thụ và nộp hồ sơ cho cơ quan thuế chậm nhất vào ngày 25/4/2018.

\* Đối với hàng hóa nhập khẩu

- Hàng hóa nhập khẩu chịu thuế TTĐB phải kê khai và nộp thuế TTĐB cùng với việc kê khai, nộp thuế nhập khẩu.

CHƯƠNG 3 BÀI TẬP CHƯƠNG VÀ BÀI TẬP MS TEAM

* 1. Bài Tập Chương

Bài 1

Công ty xuất nhập khẩu Khang An nhập khẩu một lô máy điều hòa nhiệt độ có công suất 90.000 BTU theo điều kiện FOB với tổng giá trị 50.000 USD, phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế là 5% giá FOB. Biết rằng tỷ giá tính thuế là 23.000 VND/USD, thuế suất thuế nhập khẩu là 30%, thuế suất thuế TTĐB là 10%.

Yêu cầu: Xác định thuế nhập khẩu, thuế TTĐB công ty Khang An phải nộp.

-Thuế nhập khẩu của công ty Khang An phải nộp:

+ Phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế

CIF = FOB + 5% FOB

= 50.000+(50.000 x 5%) = 52.500 USD

+ Thuế nhập khẩu phải nộp = số lượng NK x đơn giá CIF x thuế xuất thuế NK

= (52.500 x 23.000) x 30%

= 362.250.000đ

-Thuế TTĐB của công ty Khang An phải nộp là:

Thuế TTĐB phải nộp = Số lượng NK x Đơn giá tính thuế TTĐB x Thuế suất thuế TTĐB

= (52.500 x 23.000 + 362.250.000) x 10% = 156.975.000đ

Bài 2

Tính thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong kỳ của một công ty sản xuất có các tài liệu như sau:

1. Nhập khẩu 900 đơn vị SP A để sản xuất 250.000 đơn vị SP B, giá tính thuế nhập khẩu là 32.000 đ/đơn vị SP A; thuế suất thuế nhập khẩu là 45%.
2. Xuất khẩu 150.000 đơn vị SP B theo giá FOB là 250.000 đ/đơn vị sản phẩm.
3. Bán trong nước 100.000 đơn vị SP B với đơn giá chưa có thuế GTGT là 295.750 đ/đơn vị sản phẩm.

Biết rằng SP A và SP B thuộc diện chịu thuế TTĐB, thuế suất thuế TTĐB của SP A là 65%, SP B là 35%.

**Giải:**

1.

- Giá tính thuế NK của SP A là:

*(Giá tính thuế NK = Số lượng x Đơn giá)*

1. x 32.000 = 28.800.000 đ

- Thuế NK phải nộp cho SP A là:

*(Thuế NK = Giá tính thuế NK x Thuế suất thuế NK)*

28.800.000 x 45% = 12.960.000 đ

- Thuế TTĐB phải nộp ở khâu NK 900 SP A là:

*(Thuế TTĐB = (Giá tính thuế NK + Thuế NK) x Thuế suất thuế TTĐB)*

(28.800.000 + 12.960.000) x 65% = 27.144.000 đ

2.

- Số lượng SP A để sản xuất 150.000 SP B là:

- Thuế TTĐB phải nộp ở khâu NK cho 1 SP A là:

- Thuế TTĐB ở khâu NK SP A tương ứng để sản xuất 150.000 SP B xuất khẩu được hoàn thuế là:

30.160 x 540 = 16.286.400 đ

3.

- Thuế TTĐB phải nộp ở khâu tiêu thụ 100.000 SP B là:

(*Thuế TTĐB = Giá tính thuế TTĐB x Thuế suất thuế TTĐB*

- Thuế TTĐB phải nộp ở khâu NK SP A tương ứng để sản xuất 100.000 SP B tiêu thụ trong nước được khấu trừ: (*tính tương tự câu 2*)

- Vây thuế TTĐB phải nôp là:

Thuế TTĐB phải nộp = Thuế TTĐB phải nộp của hàng chịu thuế TTĐB xuất kho tiêu thụ trong kỳ - Thuế TTĐB đã nộp đối với hàng hóa, nguyên liệu ở khâu NK hoặc số thuế TTĐB đã nộp (đã trả) ở khâu nguyên liệu mua vào tương ứng với số hàng xuất kho tiêu thụ trong kỳ.

7.667.592.593 – 27.144.000 = 7.640.448.593 đ

**Bài 4**: tại công ty CP X trong tháng có các số liệu sau: Nhập khẩu nguyên liệu N, để làm nguyên liệu sản xuất sản phẩm M. Tổng giá trị hàng nhập khẩu theo điều kiện CIF quy ra tiền việt nam là 16 tỷ đồng, Cty sử dụng 60% nguyên liệu N đưa vào chế biến tạo ra 300.000 sản phẩm M thành phẩm. Cty xuất khẩu 180.000 sản phẩm M thành phẩm với giá CIF quy ra tiền việt nam là 78.000 đồng/SP M, bán trong nước 50.000 sản phẩm M với giá chưa thuế GTGT là 90.750 đồng/ SP M. Xác định các loại thuế: Nhập khẩu, Xuất khẩu, TTĐB, các loại thuế được hoàn ( nếu có) liên quan cho cty CP X.

Biết rằng:

* Thuế suất của thuế xuất khẩu là 2%
* Thuế suất của thuế nhập khẩu là 30%
* Thuế suất thuế TTĐB của SP M là 75%
* Phí bảo hiểm và vận chuyển quốc tế chiếm 2% CIF

**Bài làm**

* Thuế nhập khẩu:

Thuế NKM = Trị giá tính thuế\* thuế suất = 16.000.000.000\*30% = 4.800.000.000 (đ)

* Thuế xuất khẩu:

CIF = FOB + I + F =FOB + 2%\*CIF

=> FOB = 98%CIF = 98%\*78.000 = 76.440 đ/SP M

Xuất khẩu 180.000 SP M

* Thuế XKM = Số lượng\*Đơn giá\*Thuế suất =180.000\*76.440\*2% =275.184.000 (đ)
* Thuế XKM  được hoàn lại

Thuế nhập khẩu nguyên liệu N tương ứng để sản xuất 300.000 SP M thành phẩm là: 60%\*4.800.000.000 = 2.880.000.000 (đồng)

Thuế nhập khẩu được hoàn tương ứng với 180.000 SP M xuất khẩu là: 2.880.000.000\* = 1.728.000.000(đồng)

* Thuế TTĐB:

Đơn giá tính thuế TTĐB = = = đ/SP M

Thuế TTĐB nộp = Số Lượng\* Đơn giá\* Thuế suất = 50.000 \* \* 75% = 1.994.642.857 (đ)

* Kết luận
* Thuế nhập khẩu: 4.800.000.000 đồng
* Thuế xuất khẩu: 275.184.000 đồng
* Thuế xuất khẩu SP M được hoàn: 1.728.000.000 đồng
* Thuế TTĐB: 1.944.642.857 đồng
  1. Bài tập MS Teams

1. **Thuế tiêu thụ đặc biệt là:**
2. Thuế trực thu đánh trên những hàng hóa thiết yếu.
3. Thuế gián thu đánh trên những hàng hóa thiết yếu.
4. Thuế trực thu đánh trên những hàng hóa không thiết yếu, xa xỉ đối với đại bộ phận dân cư.
5. Thuế gián thu đánh trên những hàng hóa không thiết yếu, xa xỉ đối với đại bộ phận dân cư.

d. Vì theo giáo trình trang 35:

Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế gián thu thu vào sự tiêu dùng một số loại hàng hóa, dịch vụ được xem là đặc biệt theo danh mục do Nhà nước quy định. Hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thường là những hàng hóa, dịch vụ không được khuyến khích tiêu dùng (không thiết yếu, thậm chí là xa xỉ đối với đại bộ phận dân cư hiện nay) xét trên góc độ lợi ích xã hội.

**2. Mục đích của thuế TTĐB là:**

a.Cấm sản xuất và tiêu dùng các hàng hóa và dịch vụ đã chỉ định.

b.Hạn chế sản xuất và tiêu dùng các hàng hóa và dịch vụ đã chỉ định.

c.Điều tiết thu nhập từ đó hướng dẫn sản xuất, nhập khẩu và tiêu dùng các hàng hóa và dịch vụ đã chỉ định.

d.Cả b, c đều đúng.

c. Vì theo giáo trình trang 35, vai trò của thuế TTĐB:

Thuế TTĐB góp phần định hướng nhập khẩu, sản xuất và tiếu dùng.

Thuế TTĐB huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Điều tiết thu nhập của các đối tượng tiêu dùng hàng hóa dịch vụ thuộc diện chịu thuế, đặc biệt là người tiêu dùng có thu nhập cao một cách hợp lí.

**3. Hàng hóa nào sau đây không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB:**

a.Rượu hoa quả.

b.Nguyên liệu dùng để sản xuất rượu.

c.Bia hơi.

d.Xe ô tô 4 chỗ.

b. Vì theo giáo trình trang 36, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế là:

Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, ngửi, ngậm

Rượu

Bia

Xe ô tô dưới 24 chỗ

Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125cm3

Tàu bay, du thuyền

Xăng các loại

Điều hóa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống.

Bài lá

Vàng mã, hàng mã.

**4. Hàng hóa nào sau đây thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB:**

a.Bài lá.

b.Rượu thuốc.

c.Bia hơi.

d.Tất cả đều đúng.

d. . Vì theo giáo trình trang 36, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế là:

Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, ngửi, ngậm

Rượu

Bia

Xe ô tô dưới 24 chỗ

Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125cm3

Tàu bay, du thuyền

Xăng các loại

Điều hóa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống.

Bài lá

Vàng mã, hàng mã.

**5. Dịch vụ nào sau đây thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB:**

a.Kinh doanh Karaoke.

b.Kinh doanh xổ số.

c.Kinh doanh gôn (golf).

d.Tất cả đều đúng.

d. Vì theo giáo trình trang 37, dịch vụ chịu thuế là:

Kinh doanh vũ trường

Kinh doanh massage, karaoke

Kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy jackpot, slot và các loại máy tương tự

Kinh doanh đặt cược

Kinh doanh golf bao gồm bán thẻ hội viên, vé chơi golf

Kinh doanh sổ xố

**6. Dịch vụ nào sau đây không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB:**

a.Kinh doanh vũ trường.

b.Kinh doanh casino.

c.Kinh doanh nhà hàng.

d.Kinh doanh giải trí có đặt cược.

c. Vì theo giáo trình trang 37, dịch vụ chịu thuế là:

Kinh doanh vũ trường

Kinh doanh massage, karaoke

Kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy jackpot, slot và các loại máy tương tự

Kinh doanh đặt cược

Kinh doanh golf bao gồm bán thẻ hội viên, vé chơi golf

Kinh doanh sổ xố

**7. Đối tượng nào sau đây thuộc diện nộp thuế TTĐB:**

a. Các tổ chức và cá nhân có sản xuất hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

b. Các tổ chức và cá nhân có nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

c. Các tổ chức và cá nhân có sản xuất, gia công hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB trực tiếp sản xuất ra nước ngoài.

d. Cả a, b đều đúng.

a. Vì theo giáo trình trang 41, đối tượng nộp thuế là:

Các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB là đối tượng nộp thuế TTĐB.

Cơ sở kinh doanh xuất khẩu mua hàng chịu thuế TTĐB của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước thì cơ sở kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế TTĐB. Khi bán hàng hóa, cơ sở kinh doanh xuất khẩu phải kê khai và nộp đủ thuế TTĐB.

**8. Đối tượng nào sau đây không thuộc diện nộp thuế TTĐB:**

a. Các tổ chức và cá nhân sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB mang hàng hóa ra nước ngoài để bán tại hội chợ triển lãm ở nước ngoài.

b. Các tổ chức và cá nhân sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB bán cho doanh nghiệp khu chế xuất.

c. Các tổ chức và cá nhân gia công hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho doanh nghiệp khu chế xuất.

d. Tất cả đều đúng.

c. Vì theo giáo trình trang 41, đối tượng nộp thuế là:

Các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB là đối tượng nộp thuế TTĐB.

Cơ sở kinh doanh xuất khẩu mua hàng chịu thuế TTĐB của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước thì cơ sở kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế TTĐB. Khi bán hàng hóa, cơ sở kinh doanh xuất khẩu phải kê khai và nộp đủ thuế TTĐB.

**9. Doanh nghiệp sản xuất bia lon, nếu giá bán bao gồm cả vỏ lon thì giá tính thuế TTĐB là:**

a. Giá bán có thuế TTĐB, chưa thuế GTGT của Doanh nghiệp sản xuất bao gồm giá trị vỏ lon.

b. Giá bán chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế GTGT của Doanh nghiệp sản xuất bao gồm giá trị vỏ lon.

c. Giá bán có thuế TTĐB, chưa có thuế GTGT của Doanh nghiệp sản xuất không bao gồm giá trị vỏ lon.

d. Giá bán chưa có thuế TTĐB, chưa có thuế GTGT của Doanh nghiệp sản xuất không bao gồm giá trị vỏ lon.

c. Vì theo giáo trình trang 43, ta có công thức giá tính thuế TTĐB:

=

**10. Giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện chịu thuế TTĐB được xác định bằng:**

a. Giá tính thuế nhập khẩu.

b. Giá tính thuế nhập khẩu + Thuế nhập khẩu.

c. Giá tính thuế nhập khẩu + Thuế nhập khẩu + Thuế TTĐB.

d. Giá tính thuế nhập khẩu + Thuế nhập khẩu – Thuế TTĐB.

b.

**11. Hàng hóa nhập khẩu thuộc diện chịu thuế TTĐB, thời hạn nộp thuế TTĐB là:**

a. Nộp ngay khi làm thủ tục nhập khẩu.

b. Cùng thời hạn nộp thuế nhập khẩu.

c. 15 ngày kể từ ngày đối tượng nộp thuế đăng kí tờ khai Hải quan.

d. 30 ngày kể từ ngày đối tượng nộp thuế đăng kí tờ khai Hải quan.

c.

**12. Thuế TTĐB là loại thuế:**

a. Thuế tài sản.

b. Thuế tiêu dùng.

c. Thuế thu nhập.

d. Thuế tổng hợp.

c. Vì theo giáo trình trang 35:

Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế gián thu thu vào sự tiêu dùng một số loại hàng hóa, dịch vụ được xem là đặc biệt theo danh mục do Nhà nước quy định.

**13. Đối tượng nộp thuế TTĐB là:**

a. Nhà sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB.

b. Nhà nhập khẩu hàng hóa chịu thuế TTĐB.

c. Người tiêu dùng hàng hóa chịu thuế TTĐb.

d. Cả a, b đều đúng.

d. Vì theo giáo trình trang 41, đối tượng nộp thuế là:

Các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB là đối tượng nộp thuế TTĐB.

Cơ sở kinh doanh xuất khẩu mua hàng chịu thuế TTĐB của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước thì cơ sở kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế TTĐB. Khi bán hàng hóa, cơ sở kinh doanh xuất khẩu phải kê khai và nộp đủ thuế TTĐB.

**14. Đối tượng không nộp thuế TTĐB là:**

a. Người sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB.

b. Người nhập khẩu hàng hóa chịu thuế TTĐB.

c. Người kinh doanh thương mại hàng hóa chịu thuế TTĐB.

d. Cả a, b đều đúng.

* Đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

Theo Điều 3 Văn bản hợp nhất 26/2019/VBHN-BTC, đối tượng không chịu thuế TTĐB bao gồm:

Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật thuế TTĐB không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt trong các trường hợp sau:

Hàng hóa do cơ sở sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu hoặc bán, ủy thác cho cơ sở kinh doanh khác để xuất khẩu;

– Hàng hóa nhập khẩu bao gồm:

+ Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ;

+ Hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ;

+ Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

+ Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế; hàng nhập khẩu để bán miễn thuế theo quy định của pháp luật;

**15. Hàng hóa và dịch vụ chịu thuế TTĐB, nộp thuế TTĐB khi:**

a. Nhà sản xuất bán ra trong nước.

b. Nhà kinh doanh thương mại bán ra trong nước.

c. Nhà sản xuất xuất khẩu.

d. Tất cả đều đúng.

Theo Điều 4 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt 2008, người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt là tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu mua hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước thì tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh xuất khẩu là người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

**16. Hàng hóa nào sau đây thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB:**

a. Nước hoa.

b. Mỹ phẩm.

c. Xăng.

d. Tất cả đều đúng.

Theo quy định tại khoản 2 Văn bản hợp nhất 26/2019/VBHN-BTC, đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gồm:

Hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gồm 10 hàng hóa trong đó có:

Xăng các loại;

**17. Dịch vụ nào sau đây không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB:**

a. Kinh doanh phòng trà.

b. Kinh doanh xổ số.

c. Kinh doanh mát-xa.

d. Tẩt cả đều sai.

* Dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

Kinh doanh vũ trường;

Kinh doanh mát-xa (massage), ka-ra-ô-kê (karaoke);

Kinh doanh ca-si-nô (casino); trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy giắc-pót (jackpot), máy sờ-lot (slot) và các loại máy tương tự;

Kinh doanh đặt cược (bao gồm: Đặt cược thể thao, giải trí và các hình thức đặt cược khác theo quy định của pháp luật);

Kinh doanh gôn (golf) bao gồm bán thẻ hội viên, vé chơi gôn;

Kinh doanh xổ số.

**18. Những hàng hóa dưới đây, hàng hóa nào thuộc diện chịu thuế TTĐB:**

a. Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh.

b. Xe ô tô chở người từ 24 chỗ trở lên.

c. Điều hòa nhiệt độ có công suất trên 90.000 BTU.

d. Xe mô tô hai bánh có dung tích trên 125cm3.

* Đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

Theo quy định tại khoản 2 Văn bản hợp nhất 26/2019/VBHN-BTC, đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gồm:

Hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

Xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng;

Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125cm3;

Tàu bay, du thuyền (sử dụng cho mục đích dân dụng).

Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống;

**19. Hàng hóa nào sau đây chịu thuế TTĐB:**

a. Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa.

b. Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hành khách.

c. Tàu bay sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch.

d. Tàu bay dùng cho mục đích cá nhân.

* Đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

Theo quy định tại khoản 2 Văn bản hợp nhất 26/2019/VBHN-BTC, đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gồm:

Hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gồm 10 hàng hóa trong đó có:

Tàu bay, du thuyền (sử dụng cho mục đích dân dụng).

**Câu 26**:

Giá tính thuế TTĐB=

Thuế TTĐB phải nộp= Giá tính thuế TTĐB\* thuế suất thuế TTĐB

= 400\*40%=160 triệu đồng

**Câu 27**:

CIF= FOB+I+F= 500.000+100.000=600.000đ/chai

Thuế NK phải nộp= SL\* Đơn giá CIF\* thuế suất thuế NK= (2.000-200)\*600.000\*150%=1.620 triệu đồng

Đơn giá tính thuế TTĐB= Giá tính thuế NK+ Thuế NK= 1.800\*600.000+1.620.000.000=2.700.000.000đ

Thuế TTĐB phải nộp= Đơn giá tính thuế TTĐB\* thuế suất thuế TTĐB

= 2.700.000.000\* 50%= 1.350 triệu đồng

**Câu 28:**

CIF=FOB+I+F= 500.000+100.000=600.000 đ/sp

Thuế NK phải nộp= SL\* Đơn giá CIF\* thuế suất thuế NK= 2.000\*600.000\*100%=1.200 triệu đồng

Gía tính thuế TTĐB= Gía tính thuế NK+ Thuế NK= 600.000\*2.000+1.200.000.000=2.400.000.000đ

Thuế TTĐB phải nộp= SL\* giá tính thuế TTĐB\* thuế suất thuế TTĐB

= 2.400.000.000\*45%= 1.080.000.000đ

**Câu 29:**

Đơn giá tính thuế TTĐB= đ/chai

Thuế TTĐB đầu ra= SL\* Đơn giá tính thuế TTĐB\* Thuế suất thuế TTĐB

= 12.000\*41.600\*25%= 124,8 triệu đồng

**Câu 30:**

Thuế TTĐB đầu ra= 124,8 triệu đồng

SL tiêu thụ= 12.000+ 60.000=72.000 chai

Thuế TTĐB: 115,83 trđ 🡪 240.000 chai

? 🡨 72.000 chai

Thuế TTĐB đầu vào= trđ

Thuế TTĐB phải nộp= Thuế TTĐB đầu ra- Thuế TTĐB đầu vào= 124,8- 34,749= 90,051 trđ

**Câu 31:**

Đơn giá tính thuế TTĐB=/sp

Thuế TTĐB phải nộp= SL\* Đơn giá tính thuế TTĐB\* Thuế suất thuế TTĐB

= 100.000\*227.500\*30%= 6.825 trđ

**Câu 32:**

Đơn giá tính thuế TTĐB= /sp

Thuế TTĐB phải nộp= SL\* Đơn giá tính thuế TTĐB\* Thuế suất thuế TTĐB =500\*50.000\*40%=10.000.000đ

**Câu 33:** Bán cho doanh nghiệp thuộc khu chế xuất thuộc đối tượng không chịu thuế

**Câu 34:** Bán cho công ty kinh doanh xuất khẩu để trực tiếp xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB

**Câu 35:**

giá tính thuế TTĐB= Gía tính thuế NK+ Thuế NK= 30.000+30.000\*100%=60.000đ/sp

Thuế TTĐB phải nộp=SL\* Gía tính thuế TTĐB\* Thuế suất thuế TTĐB= 500\*60.000\*45%= 13.500.000đ

**Câu 36:**

Thuế TTĐB đã nộp: 40,5trđ 🡪20.000 lít rượu nhẹ

? 🡨 15.000 lít rượu nhẹ

Thuế TTĐB được khấu trừ =

**Câu 37:**

Thuế TTĐB đã nộp: 40,5trđ 🡪20.000 lít rượu nhẹ

? 🡨 12.000 lít rượu nhẹ

Thuế TTĐB được hoàn =

Vì nhập khẩu rồi xuất khẩu thì được hoàn thuế TTĐB tương ứng với số lượng xuất khẩu